

Số: /TC-STP

Lai Châu, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2026

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2026, như sau:

A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 7 năm 2026 Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành 19 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là:

I. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

2. Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030.

3. Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 Ban hành Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức tối đa của một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

5. Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 Bãi bỏ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây

dựng tỉnh Lai Châu.

6. Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

7. Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 27/7/2026 Quy định quản lý địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8. Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

9. Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

10. Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện một số nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

11. Quyết định số 65/2026/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu.

II. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

1. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

2. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; hỗ trợ bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ 04 Nghị quyết của HĐND tỉnh Lai Châu: Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2021-2022; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến hết năm học 2025 – 2026.

5. Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định chính sách thu hút; đãi ngộ; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 – 2030.

6. Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

7. Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

8. Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

B. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trên cơ sở thông tin do các sở, ngành cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 19 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2026 như sau:

1. Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

1.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Quyết định này thay thế Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ. Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 quy định thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tỉnh ủy về sắp xếp, tổ chức bộ máy; theo đó một số cơ quan, đơn vị đã được tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, giải thể... dẫn đến một số nội dung quy định tại Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND không còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy. Cụ thể như:

- Quyết định số 17/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các địa phương.

- Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc sáp nhập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học công nghệ để thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh về việc tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông và Kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về việc sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông để thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh về việc giải thể Ban Quản lý Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh; Đề án 6756/ĐA-UBND ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông và Kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức lại 08 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông, thành lập 30 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thông báo số 110/TB-UBND ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh về việc tổ chức lại 08 Trung tâm văn hóa, Thể thao và Truyền thông, thành lập 30 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp thuộc UBND xã, phường.

Từ cơ sở nêu trên dẫn đến một số nội dung về phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND không còn phù hợp với thực tế. Vì vậy, việc Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu để cập nhật, điều chỉnh các phụ lục về phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho phù hợp với tình hình thực tế sau sắp xếp tổ chức bộ máy là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu nhằm đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tỉnh ủy về sắp xếp, tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030

2.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2026.

Quyết định này thay thế Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2030.

Bãi bỏ Chương I của Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định: số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020; số 30/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021; số 07/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024; số 50/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024; số 06/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số

46/2022/NĐ-CP và Nghị định số 32/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Khoản 15 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15, sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi, có quy định như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi, môi trường sinh thái để quy định mật độ chăn nuôi cho từng vùng.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ mật độ chăn nuôi của vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi, môi trường sinh thái để quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn.”

Theo đó tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Thông tư 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi đã quy định mật độ chăn nuôi vùng Trung du và miền núi phía Bắc, được xác định là 1,2 đơn vị vật nuôi/ha (ĐVN/ha).

Như vậy, việc UBND tỉnh ban hành quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh là phù hợp với thẩm quyền được giao, bảo đảm thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, ngành chăn nuôi tỉnh có bước phát triển khá ổn định, góp phần quan trọng vào tăng trưởng ngành nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân nông thôn. Tuy nhiên với phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình là chủ yếu (chiếm trên 99%), việc phát triển đàn vật nuôi ở một số địa phương còn mang tính tự phát, năng lực xử lý chất thải chăn nuôi còn chưa cao, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh dịch bệnh và ảnh hưởng đến định hướng phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, bền vững.

Thực hiện quy định của pháp luật về chăn nuôi, trước đây Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2030, làm cơ sở để các địa phương quản lý quy mô đàn vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, môi trường và định hướng phát triển của tỉnh. Tuy nhiên, theo quy định tại Phụ lục V Thông tư 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi quy định mật độ chăn nuôi vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 1,2 ĐVN/ha, cao hơn mức quy định hiện hành của tỉnh.

Bên cạnh đó, định hướng phát triển chăn nuôi của tỉnh trong thời gian tới là phát triển các cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô trang trại theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp gắn với hạ tầng xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Đồng thời việc xác định và quy định lại mật độ chăn nuôi giúp điều chỉnh mật độ chăn nuôi trên diện tích đất nông nghiệp của toàn tỉnh, nhằm tạo dư địa phát triển chăn nuôi trang trại, giúp các tổ chức, cá nhân xác định, lựa chọn quy mô chăn nuôi, quan tâm khảo sát, đầu tư chăn nuôi quy mô lớn trên địa bàn; là cơ sở để các địa phương quy hoạch, định hướng phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng bộ với định hướng phát triển của tỉnh, hướng tới phát triển chăn nuôi bền vững, từng bước giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong thời gian tới.

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030 để thay thế Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2030 là cần thiết, nhằm bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển chăn nuôi trong giai đoạn mới.

b) Mục đích ban hành

Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh nhằm cụ thể hóa quy định của pháp luật về chăn nuôi, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, định hướng phát triển chăn nuôi và thực tế của địa phương.

Quản lý tốt công tác phát triển chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường, phòng, chống dịch bệnh động vật và phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, bền vững.

Làm cơ sở để đơn vị chuyên môn thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt chủ trương đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

2.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND gồm 4 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Điều khoản thi hành

3. Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 Ban hành Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn

có; danh mục loại dự án và tổng mức tối đa của một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2026.

Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh, thành phố; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Đây là nội dung được giao quy định chi tiết để tổ chức thực hiện thống nhất các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu cho thấy, phần lớn các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đều có quy mô nhỏ, được đầu tư phân tán tại các xã, thôn, bản có điều kiện địa hình phức tạp... Do vậy, việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xác định loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù; tiêu chí xác định tổng mức đầu tư tối đa; tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có phù hợp với điều kiện của từng địa phương, bảo đảm sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định nhằm cụ thể hóa quy định của Chính phủ và nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; làm căn cứ pháp lý để tổ chức thực hiện

thống nhất việc xác định danh mục loại dự án đặc thù, tiêu chí tổng mức đầu tư tối đa, tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Danh mục loại dự án đặc thù, tiêu chí tổng mức đầu tư tối đa của một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù

Điều 4. Tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

4. Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu

4.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 30/7/2026.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị pháp lý

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Cơ sở thực tiễn

Sau khi Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn có hiệu lực thi

hành UBND tỉnh đã ban hành quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 quy định về luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, để việc thực hiện công tác quản lý đất đai phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Chính phủ đã ban hành các Nghị định hướng dẫn, phân cấp, phân định thẩm quyền, sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024. Do vậy quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 quy định về luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của UBND tỉnh Lai Châu cũng cần được sửa đổi cho phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo nội dung nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP.

b) Mục đích ban hành

Xây dựng Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều tại quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khi Nghị quyết 254/2025/QH15 và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành để áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND như sau:

Điều 2. Điều khoản thi hành

5. Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 Bãi bỏ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.

5.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2026.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về lĩnh vực xây dựng.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1106/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động, giải thể Ban An toàn giao thông tỉnh và chấm dứt hoạt động Ban An toàn giao thông cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu; đồng thời ban hành Quyết định số 1107/QĐ-UBND về việc giải thể Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh Lai Châu. Theo đó, Sở Xây dựng được giao tiếp nhận, tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến trật tự, an toàn giao thông thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh theo quy định của pháp luật.

Việc chuyển giao nhiệm vụ nêu trên làm phát sinh yêu cầu rà soát, điều chỉnh nội dung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng để bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ mới được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, tránh khoảng trống pháp lý trong chỉ đạo, điều hành, phân công trách nhiệm, quản lý hồ sơ, tài sản và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau khi Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh giải thể.

Mặt khác, theo nội dung tại Công văn số 6023/BTP-CTXDVBQPPL ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tư pháp và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 6106/UBND-TH ngày 09 tháng 10 năm 2025, đối với các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật thì tiếp tục thực hiện; trường hợp có sự thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thì cơ quan có thẩm quyền tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành văn bản hành chính để quy định, đồng thời tham mưu bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành theo quy định.

Như vậy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu đã phát sinh nội dung thay đổi so với Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu nhằm chấm dứt hiệu lực của Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và yêu

cầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ mới của Sở Xây dựng; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

5.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

6. Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

6.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 05/8/2026.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ, Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 quy định bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ngày 30/6/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định số 175/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ; Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục Thuế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương 2 cấp chính thức đi

vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện).

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 quy định mức chi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp chính thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện), theo đó Trung tâm phát triển quỹ đất các huyện, thành phố hiện nay không còn; thực hiện sắp xếp, hợp nhất cơ quan tham mưu giúp việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội theo mô hình mới theo Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW, ngày 23/4/2025 về việc thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan MTTQ Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã và Hướng dẫn số 18-HD/MTTW-BTT về việc bổ sung một số nội dung thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Tổ chức Chính trị - Xã hội, các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (cấp tỉnh, cấp xã).

Căn cứ các quy định nêu trên, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết, đúng quy định.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với các quy định hiện hành, là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện.

6.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND gồm 3 Chương 4 Điều;

Chương I. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bảng giá

tính lệ phí trước bạ đối với Nhà trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

Điều 2. Thay thế một số cụm từ như sau:

Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND như sau:

Chương III. Điều khoản thi hành

Điều 4. Điều khoản thi hành

7. Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 27/7/2026 Quy định quản lý địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu

7.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 27/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2026.

Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15;

Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Chương trình công tác năm 2026.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, UBND tỉnh đã ban hành Quy định quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023. Thực hiện quy định tại văn bản nêu trên các cấp, các ngành đã chủ động thực hiện trách nhiệm được phân công, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 đã được thay thế bằng Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản đã được thay thế bằng Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ, vì vậy căn cứ để ban hành Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 không còn phù hợp. Đồng thời trong quá trình thực hiện, việc sắp xếp tinh gọn bộ máy các Sở, ngành và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, một số nội dung quy định tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh không còn phù hợp.

b) Mục đích ban hành

Xây dựng quy định về quản lý địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu quy định nội dung quản lý, trách nhiệm, sự phối hợp của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND các xã, phường đối với công tác quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.

7.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND gồm 21 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản; hoạt động khoáng sản

Điều 4. Bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng

Điều 5. Thu kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

Điều 6. Quy hoạch khoáng sản

Điều 7. Điều tra cơ bản về địa chất; điều tra cơ bản về khoáng sản

Điều 8. Khoanh định, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu

vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điều 9. Thời gian thăm dò khoáng sản

Điều 10. Hình thức thăm định Đề án thăm dò khoáng sản, Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản

Điều 11. Thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Điều 12. Thăm định thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi; phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò

Điều 13. Đóng cửa mỏ trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không có khả năng thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản

Điều 14. Cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ

Điều 15. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

Điều 16. Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; lập kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Điều 17. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành địa chất, khoáng sản

Điều 18. Kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, sử dụng

Điều 19. Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Điều 21. Điều khoản thi hành

8. Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

8.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2026.

Quyết định này thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 35/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 ban hành quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 48/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 ban hành quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm Quyết định số

35/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Lai Châu; số 56/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 ban hành quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 57/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 ban hành quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;
- Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định:
 - + Khoản 7 Điều 10 về căn cứ và trình tự thực hiện Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: “*Ngoài quy định*

tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu, trình tự thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng, thời gian tiếp nhận hồ sơ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.

+ Khoản 11 Điều 11 về Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: *“Ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết biểu mẫu hồ sơ đối với từng loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.*

+ Khoản 8 Điều 12 về Trình tự xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: *“Ngoài quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết thành phần, số lượng thành viên, trình tự làm việc, mẫu biên bản họp hội đồng và tổ thẩm định kinh phí, mẫu phiếu đánh giá, nhận xét đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.*

+ Khoản 6 Điều 15 về ký hợp đồng giao nhiệm vụ *“Ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu hợp đồng giao nhiệm vụ tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.*

+ Khoản 8 Điều 16 về Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ: *“Ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.*

+ Khoản 5 Điều 17 về đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: *“Ngoài quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”.*

+ Điểm e, khoản 1 Điều 18 về đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo: *“Đối với nhiệm vụ thuộc danh mục bí mật nhà nước, có nội dung bí mật nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả phù hợp với lĩnh vực quản lý của mình”*.

+ Khoản 7 Điều 18 về đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo: *“Ngoài quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, hồ sơ, biểu mẫu và trình tự đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”*.

+ Khoản 4 Điều 19 về quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ: *“Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, biểu mẫu thanh lý và biên bản thanh lý hợp đồng thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”*.

+ Khoản 3 Điều 23 về Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết việc xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”*.

+ Khoản 3 Điều 37 về Trách nhiệm quản trị rủi ro của tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo: *“Ngoài các quy định tại khoản 2 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định bổ sung nội dung về quản trị rủi ro đối với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”*.

+ Khoản 2 Điều 39 về Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước: *“Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chí riêng về rủi ro đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết”*.

- Nghị định số 268/2025/NĐ-CP: Khoản 6 Điều 66 giao Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh quy định: “*Ban hành các quy định cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương*”.

Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, việc quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 11/12/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND; Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, các căn cứ pháp lý được UBND tỉnh sử dụng trực tiếp để ban hành các Quyết định nêu trên đã hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ hoặc được thay thế bằng các văn bản tương ứng của cơ quan có thẩm quyền.

Do đó, để việc quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu được đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương thì việc xây dựng, ban hành quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu để thay thế các quy định tại Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND; Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND; Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND; Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

b) Mục đích ban hành

- Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương mới, các quy định pháp luật mới liên quan đến phát triển khoa học và công nghệ quy định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Lai Châu.

- Triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân để quy

định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung được giao trong Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quy định chi tiết các tiêu chí, nội dung, trình tự thực hiện và hồ sơ trong quá trình xây dựng, triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, đồng thời làm căn cứ triển khai thống nhất trên Hệ thống thông tin quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh.

8.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND gồm 4 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

9. Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

9.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2026.

Quy định chuyển tiếp: Đối với văn bản định giá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực, tiếp tục thực hiện cho đến khi cấp có thẩm quyền định giá tại khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Quyết định này ban hành văn bản định giá mới.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Giá số 16/2023/QH15;

Luật số 140/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá (Trong đó tại khoản 3 Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số mục tại Phụ lục 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá có sự thay đổi về tên hàng hóa, dịch vụ và phân cấp thẩm quyền, hình thức định giá).

Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Thông tư số 28/2024/TT-BTC, Thông tư số 29/2024/TT-BTC, ngày 28/11/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động; việc hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn thành và cơ bản ổn định.

Ngày 25/12/2025, Quốc hội thông qua Luật số 140/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Theo đó, một số nội dung thuộc Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đã được sửa đổi, bổ sung, tập trung vào các nhóm nội dung chủ yếu sau:

(1) Sửa đổi, bổ sung quy định về sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước: Làm rõ sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên.

Luật Giá số 16/2023/QH15 quy định Nhà nước định giá đối với sản phẩm,

dịch vụ công trong danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành; chưa làm rõ phạm vi sử dụng ngân sách chi thường xuyên.

(2) Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền định giá đối với một số dịch vụ thuộc lĩnh vực y tế

- Đối với Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu) và Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

Tại Luật Giá số 16/2023/QH15, hàng hóa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập và Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa trừ trường hợp “không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu” và thẩm quyền UBND tỉnh định giá chưa loại trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Bổ sung thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể hoặc phân cấp định giá cụ thể áp dụng tại đơn vị trên địa bàn (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) đối với hàng hóa, dịch vụ:

+ Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.

+ Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

Luật Giá số 16/2023/QH15 không quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá đối với 02 dịch vụ y tế nêu trên.

(3) Sửa đổi, bổ sung quy định về định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng: Bổ sung “dịch vụ vệ sinh công cộng” và thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể theo tình hình thực tế tại địa phương đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Luật Giá số 16/2023/QH15 không quy định giá “dịch vụ vệ sinh công cộng” và không quy định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4) Sửa đổi, bổ sung quy định về định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ: Bổ sung thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể theo tình hình thực tế tại địa phương đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

Luật Giá số 16/2023/QH15 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước nhưng chưa quy định thẩm quyền phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

(5) Bổ sung quy định về định giá dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế và cụm công nghiệp: Bổ sung mới danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đối với dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; giao UBND cấp tỉnh định giá cụ thể.

Luật Giá số 16/2023/QH15 chưa quy định dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Các thay đổi nêu trên làm phát sinh yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của tỉnh nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Qua rà soát cho thấy, một số nội dung về phân công trách nhiệm tham mưu quản lý nhà nước về giá tại Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND cần được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá.

- Đối với các nội dung thuộc lĩnh vực y tế theo mục số 19, 20, 21 Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở Y tế đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 về giá dịch vụ kiểm dịch y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu; do đó, trước mắt chưa đề xuất phân cấp các nội dung này cho cơ quan chuyên môn thực hiện.

- Đối với các nội dung thuộc mục số 37 và mục số 42 Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: (i) Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 quy định giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; (ii) Sở Công Thương đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định 681/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

- Ngày 06 tháng 4 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 128/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024, trong đó sửa đổi một số nội dung quy định về định giá (lập phương án giá, thẩm định phương án giá, trình và ban hành văn bản định giá tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Điều 1, Điều 2, Điều 3 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP; về ban hành Thông báo danh sách kê khai giá tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 4 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP).

Từ những căn cứ nêu trên, việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

b) Mục đích ban hành

Hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung các nội dung không còn phù hợp; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện.

9.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Điều 3. Điều khoản thi hành

10. Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện một số nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

10.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày

31/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2026.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Ngày 31/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2026/NĐ-CP Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước, trong đó:

Tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “3. Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương”.

Tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định: “1. Việc lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này”.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ, ngày 23/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, ngày 31/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực

hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước, thay thế Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ; theo đó Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực thi hành (*Sở Tài chính đã tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 theo quy định*).

Theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định hoặc quy định thẩm quyền: Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ; chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Thực tế, các nhiệm vụ này phát sinh với số lượng lớn, nếu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sẽ làm tăng khối lượng công việc, kéo dài trình tự, thủ tục và thời gian triển khai thực hiện. Do đó, việc quy định phân cấp thẩm quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Nghị định sẽ tạo sự chủ động trong tổ chức thực hiện, rút ngắn thời gian lập, phân bổ dự toán, đồng thời giảm áp lực cho Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hiện nay.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên cho thấy, việc ban hành Quyết định Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện một số nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

- Nhằm cụ thể hoá thẩm quyền của UBND tỉnh được quy định tại khoản 3 Điều 17; điểm b khoản 2 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 25; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

- Quyết định là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ; chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch được cấp có thẩm quyền giao.

10.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện một số nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị

Điều 3. Điều khoản thi hành

11. Quyết định số 65/2026/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu.

11.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 65/2026/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2026.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội khóa XV Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày

01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Kế hoạch số 1576/KH-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành đang còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý để đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung chịu tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành có Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh được ban hành để quy định chi tiết tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến nay Nghị định số 87/2015/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 47 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và Điều 10 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, không còn quy định UBND cấp tỉnh phải ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Như vậy, Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 không còn cơ sở pháp lý để tiếp tục duy trì hiệu lực. Vì vậy, việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh Lai Châu là cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

b) Mục đích ban hành

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 nhằm chấm dứt hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

11.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 65/2026/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

12. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

12.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 31/7/2026.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Thực hiện Kết luận số 210/KL-TW, ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới. Theo đó, một trong những nhiệm vụ, giải pháp được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII xác định là “tiếp tục đẩy mạnh phân cấp phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị, ...; rà soát, hoàn thiện thể chế bảo đảm phân cấp, phân quyền triệt để...; giữa các cấp chính quyền địa phương, giữa UBND cấp tỉnh, cấp xã với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp..., bảo đảm đúng mục tiêu "Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát", "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"..

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số

72/2025/QH15 quy định “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã...thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.*”

Căn cứ các văn bản pháp luật chuyên ngành như: Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Lâm nghiệp, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Giáo dục, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Tài nguyên nước, Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Nhà ở, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ... và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan đều quy định rõ cơ chế phân cấp, cho phép giao thẩm quyền quyết định các nội dung cụ thể phù hợp với thực tiễn địa phương.

Cơ sở thực tiễn:

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trong bối cảnh triển khai chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đòi hỏi phải phân định rõ ràng thẩm quyền giữa các cấp, giảm khâu trung gian, rút ngắn quy trình giải quyết công việc, đảm bảo các quyết định quản lý kịp thời, sát thực tế.

Thực tiễn triển khai cho thấy, nhiều nhiệm vụ thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh mang tính điều hành thường xuyên, phát sinh liên tục; nếu phải chờ tổ chức kỳ họp để quyết định sẽ kéo dài thời gian xử lý, ảnh hưởng đến tiến độ phân bổ vốn, triển khai dự án, giải ngân ngân sách và thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh để phân cấp một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh cho UBND tỉnh và HĐND cấp xã là cần thiết nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thực hiện các nhiệm vụ đã được luật cho phép phân cấp trong các lĩnh vực như đầu tư công, tài chính, nông nghiệp, xây dựng, công thương, giáo dục, y tế và các lĩnh vực quản lý nhà nước khác.

b) Mục đích ban hành

Cụ thể hóa chủ trương phân cấp, phân quyền của Đảng và Nhà nước, phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp lý liên quan.

Nâng cao tính chủ động, linh hoạt, tự chịu trách nhiệm của UBND tỉnh và

HĐND cấp xã trong quản lý nhà nước, rút ngắn quy trình hành chính, giảm thời gian xử lý công việc. Đảm bảo phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, đồng thời giữ vững cơ chế kiểm tra, giám sát, báo cáo và giải trình theo quy định.

Thúc đẩy triển khai kịp thời các kế hoạch, dự án, chính sách; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

12.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

Điều 3. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 4. Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

13. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; hỗ trợ bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

13.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2026.

Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo,

bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026) quy định HĐND tỉnh có thẩm quyền “*quyết định cụ thể hoặc giao cho UBND cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định HĐND tỉnh có thẩm quyền “*quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước*”;

Căn cứ khoản 3 Điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức: “*3. Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi làm căn cứ để các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương lập dự toán chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương chủ động quy định mức chi cụ thể từ nguồn ngân sách nhà nước cho phù hợp và đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện ở đơn vị trong phạm vi dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương*”.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công

chức trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tình hình thực tiễn địa phương và quy định của Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 và Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019.

Tuy nhiên, ngày 28 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức. Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 100/2025/TT-BTC thì Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 và Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 10 năm 2025. Do đó, các nội dung quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND) không còn phù hợp với quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định như sau: *“Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”*.

Vì vậy, để thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ, làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện thống nhất việc hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết, bảo đảm đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các nội dung và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu; bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và điều kiện thực tế của địa phương. Đồng thời, làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị tổ chức lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả.

13.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 24/2026/NQ-HĐND gồm 10 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung và mức chi đào tạo công chức trong nước

Điều 3. Nội dung và mức chi bồi dưỡng công chức trong nước và hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

Điều 4. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Điều 5. Nội dung và mức chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với vị trí việc làm sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

Điều 6. Nội dung và mức chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 10. Điều khoản thi hành

14. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

14.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2026.

Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Bãi bỏ Chương II Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: Số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019; số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Tại Khoản 2, Điều 3 quy định: “Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả”;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Nghị quyết số 424/2025/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/NQ-QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Trong đó Thủ tướng Chính phủ giao UBND các tỉnh: *“Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả”*;

Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Tại Điểm a, Khoản 5, Điều 9 quy định: *“Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*.

Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn 2021-2025, các cơ quan thường trực các Chương trình MTQG (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Nay được sáp nhập chung thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Dân tộc tỉnh - nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo) đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết số: 13/2022/NQ-HĐND; 14/2022/NQ-HĐND; 16/2022/NQ-HĐND về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới;

phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Kết quả, các Chương trình MTQG đã được triển khai đồng bộ đạt được nhiều kết quả quan trọng, tích cực và toàn diện. Hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh giảm mạnh; đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt; diện mạo khu vực nông thôn có nhiều khởi sắc, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được hoàn thiện.

Bước sang giai đoạn 2026-2030, Quốc hội đã quyết định tích hợp 03 Chương trình MTQG thành một Chương trình thống nhất. Tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025, Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Chính phủ đã quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở yêu cầu tổ chức thực hiện Chương trình tích hợp trong bối cảnh mới, để bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch, ổn định và khả thi tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan trong phân bổ nguồn vốn Trung ương, cân đối ngân sách địa phương đối ứng theo quy định thì việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với thực tiễn.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn phân tích trên, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là hết sức cần thiết, đúng quy định của pháp luật, hướng dẫn của Trung ương.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định của Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Để làm cơ sở pháp lý cho phân bổ vốn trung ương và cân đối ngân sách địa phương đối ứng thực

hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm theo quy định.

14.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 25/2026/NQ-HĐND gồm 3 Chương 10 Điều;

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II. Quy định cụ thể

Mục 1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã

Mục 2. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương

Điều 7. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương

Điều 8. Tiêu chí phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Chương III. Điều khoản thi hành

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 10. Hiệu lực thi hành

15. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ 04 Nghị quyết của HĐND tỉnh Lai Châu: Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt

động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2021-2022; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến hết năm học 2025 – 2026.

15.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2026.

Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ 04 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu sau đây:

- Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2021 - 2022;

- Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban dân tộc giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu đến hết năm học 2025 - 2026.

15.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: Số 60/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2021-2022; Số 04/2022/NQ-HĐND

ngày 29/3/2022 quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban dân tộc giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh; Số 49/2025/NQ- HĐND ngày 23/7/2025 kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu đến hết năm học 2025-2026; Số 48/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại các Nghị quyết này đã không còn áp dụng, nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của địa phương. Cụ thể như sau:

Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh đối với năm học 2021-2022 đến nay đã không còn áp dụng trên thực tế. Hiện tại, mức thu học phí trên địa bàn tỉnh đang được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 103/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2025-2026. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật thì việc Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND đến hết năm học 2025-2026 đến nay đã hết thời gian thực hiện. Bên cạnh đó, đến thời điểm hiện tại, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho học sinh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025, Nghị định số 339/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025), các nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND cơ bản đã được quy định tại các Nghị định của Chính phủ. Do đó, cần phải bãi bỏ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo chính sách.

Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND quy định các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 (được

sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15) đã thay đổi thẩm quyền quy định mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục do địa phương quản lý từ Hội đồng nhân dân tỉnh sang Ủy ban nhân dân tỉnh. Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND là cần thiết và đúng thẩm quyền. Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ 04 Nghị quyết nêu trên của HĐND tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Nghị quyết bãi bỏ 04 Nghị quyết nêu trên của HĐND tỉnh Lai Châu nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh với các quy định của pháp luật hiện hành.

15.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 26/2026/NQ-HĐND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 04 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu sau đây:

Điều 2. Điều khoản thi hành

16. Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định chính sách thu hút; đãi ngộ; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 – 2030.

16.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2026.

Các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đại học Sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2030.

Bãi bỏ Điều 2, Nghị quyết số 102/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: Số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023; số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024; số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

16.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị

Những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn xác định phát triển nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng liên quan trực tiếp đến phát triển nguồn nhân lực, gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Quy định số 396-QĐ/TW ngày 06/01/2026 về Trường chính trị chuẩn.

Quán triệt các chủ trương của Trung ương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình hành động và đề án liên quan trực tiếp đến phát triển nguồn nhân lực như: Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 24/11/2025 thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/3/2026 về một số giải pháp tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/3/2026 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030; Quyết định số 630-QĐ/TU ngày 05/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Đề án “Xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2035”.

Trước yêu cầu đổi mới và phát triển của tỉnh trong bối cảnh triển khai

chính quyền địa phương 02 cấp theo các chủ trương, quy định mới của Trung ương đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, năng lực số, khả năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu phân cấp, phân quyền, ủy quyền và phục vụ Nhân dân trong tình hình mới.

Cơ sở pháp lý

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 24/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh gồm: Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 ban hành quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 ban hành quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 102/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND

ngày 17/4/2024. Qua gần 03 năm thực hiện, các chính sách đã góp phần bổ sung nguồn nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực còn thiếu; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tạo động lực cho đội ngũ bác sĩ yên tâm công tác và từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở một số môn học.

Tuy nhiên, kết quả thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Từ năm 2023 đến hết tháng 5 năm 2026, toàn tỉnh thu hút được 27 người: Sinh viên xuất sắc 01 người; y tế 05 người (bác sĩ 03); giáo dục 21 người; chưa thu hút được các đối tượng có trình độ chuyên môn cao như bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú, thạc sĩ y khoa hoặc một số chuyên ngành tỉnh đang có nhu cầu, nhất là tiếng Trung Quốc.

- Trong lĩnh vực y tế: Để đạt mục tiêu đến năm 2030 có trên 13,5 bác sĩ/vạn dân, trên 15% nhân lực y tế có trình độ sau đại học, mỗi trạm y tế có từ 4 - 5 bác sĩ và Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt tiêu chuẩn hạng I, cấp chuyên sâu, tỉnh cần thu hút khoảng 120 bác sĩ, trong đó có 20 bác sĩ có trình độ sau đại học.

- Trong lĩnh vực giáo dục: Qua rà soát nhu cầu sử dụng giáo viên đến năm 2030, toàn tỉnh còn thiếu khoảng 487 chỉ tiêu (trong đó đang đi đào tạo theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND là 187 người); đề xuất thu hút 300 giáo viên do nguồn tuyển dụng đối với các môn Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tin học, Toán, Âm nhạc và Mỹ thuật còn hạn chế, trong khi đây là các môn học có nhu cầu tuyển dụng lớn và phù hợp với định hướng phát triển giáo dục của Trung ương và của tỉnh.

- Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số: Toàn tỉnh hiện có 6.879 người; trong đó trình độ sau đại học mới đạt 3,05%, tỷ lệ có trình độ cao cấp hoặc cử nhân lý luận chính trị đạt 3,4%. Yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp đặt ra yêu cầu tiếp tục duy trì chính sách đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong giai đoạn tới.

- Đối với Trường Chính trị tỉnh, được giao 39 biên chế, hiện có mặt 29 người, còn thiếu 10 người. Để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 1 và giai đoạn 2027-2035 duy trì, giữ vững các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1; tập trung nâng cao chất lượng một số tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2 (trong đó có tiêu chí về đội ngũ viên chức đạt trình độ tiến sĩ).

Từ những lý do trên, việc HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết ban hành Quy định chính sách thu hút; đãi ngộ; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030 thay thế các nghị quyết hiện hành là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định chính sách thu hút; đãi ngộ; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030 nhằm cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Thông qua việc ban hành Nghị quyết, tỉnh Lai Châu tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực theo hướng đồng bộ giữa thu hút, đãi ngộ, đào tạo và bồi dưỡng; tập trung giải quyết tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực trong một số ngành, lĩnh vực có nhu cầu cao, khó tuyển dụng, nhất là lĩnh vực giáo dục, y tế.

Đồng thời, tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn cao đến công tác tại tỉnh; khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

16.3 Nội dung chủ yếu

* Nghị Quyết số 28/2026/NQ-HĐND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách thu hút; đãi ngộ; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

* Quy định Chính sách thu hút; đãi ngộ; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 – 2030 gồm 2 Chương 17 Điều;

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Chương II. Quy định cụ thể

Mục 1. Chính sách thu hút nguồn lực

Điều 3. Đối tượng, chỉ tiêu, mức hỗ trợ và thời gian hưởng chính sách thu

hút

Điều 4. Điều kiện được hưởng chính sách thu hút

Điều 5. Hình thức thu hút

Điều 6. Quyền lợi của người được thu hút

Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút

Điều 8. Trách nhiệm đền bù kinh phí thu hút

Mục 2. Chính sách đãi ngộ đối với Bắc sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp Y tế công lập

Điều 9. Đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hưởng chính sách đãi ngộ

Điều 10. Điều kiện được hưởng chính sách đãi ngộ

Mục 3. Chính sách học trợ đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

Điều 11. Đối tượng áp dụng

Điều 12. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

Điều 13. Chỉ tiêu, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ đối với viên chức Trường Chính trị tỉnh

Điều 14. Điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ

Điều 15. Nội dung, mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức người dân tộc thiểu số

Điều 16. Đền bù chi phí hỗ trợ đào tạo

Mục 4. Kinh phí thực hiện

Điều 17. Nguồn kinh phí thực hiện

17. Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

17.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2026.

Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia

giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: Số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019; số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

17.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Điểm b khoản 3 Điều 26 có quy định: “*Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*”.

- Điểm b khoản 3 Điều 30 có quy định: “*Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất của cộng đồng, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện dự án theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*”.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 35 có quy định: “*Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 03 tỷ đồng/01 dự án. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng bằng tiền, ngày công hoặc hiện vật*”.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hoặc tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương”.

- Điểm d khoản 1 Điều 56 quy định về nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “*Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 Nghị định này*”.

- Điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, được sửa đổi, bổ sung ngày 25/6/2025 quy định: “*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên*”.

Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn 2021-2025, thực hiện Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Toàn tỉnh đã triển khai khoảng trên 186 dự án, gồm 57 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và 129 dự án phát triển sản xuất cộng đồng, với tổng kinh phí hỗ trợ trên 271.187 triệu đồng. Các dự án đã góp phần tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, nhất là hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai các dự án phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025 cho thấy đa số đối tượng tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân sinh sống tại các địa bàn còn nhiều khó khăn. Khả năng huy động vốn đối ứng của các đối tượng này còn hạn chế, trong khi giá vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và các chi phí phục vụ sản xuất có xu hướng tăng. Việc duy trì mức hỗ trợ như giai đoạn trước có thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia của người dân, các đối tượng của chương trình và hiệu quả thực hiện dự án cũng như khả năng thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất. Do đó, cần có cơ chế hỗ trợ phù hợp theo từng nhóm đối tượng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận chính sách, nâng cao hiệu quả thực hiện các dự án phát triển sản xuất.

Bên cạnh đó, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Lai Châu có 36 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 32 xã khu vực III và 04 xã khu vực I, II. Nhìn chung, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn các xã vẫn còn nhiều khó khăn, sự chênh lệch của các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất giữa các địa bàn không lớn, đặc biệt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Vì vậy, việc xác định mức hỗ trợ theo nhóm đối tượng thụ hưởng phù hợp hơn so với việc phân chia mức hỗ trợ theo địa bàn.

Giai đoạn 2026-2030, các Chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục được triển khai với yêu cầu tăng cường phân cấp, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục tiêu, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Dự kiến Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nguồn vốn Trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện giai đoạn 2026-2030 gồm: Vốn đầu tư công khoảng 1.327.340 triệu đồng, vốn sự nghiệp khoảng 525.000 triệu đồng (dự kiến theo Văn bản trình của Bộ Nông nghiệp và

Môi trường, cơ cấu phân bổ vốn sự nghiệp khoảng 30%). Tính toán sơ bộ, dự kiến xã được phân bổ cao nhất trên 17.000 triệu đồng/05 năm, xã được phân bổ thấp nhất trên 6.000 triệu đồng/05 năm. Năm 2026, dự kiến phân bổ vốn đầu tư 124.720 triệu đồng, vốn sự nghiệp 49.060 triệu đồng (tương ứng trên 28% tổng vốn phân bổ). Theo phương án dự kiến phân bổ vốn sự nghiệp năm 2026, cơ bản các xã được bố trí trên 1.000 triệu đồng để thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình; mức phân bổ cao nhất khoảng 1.601 triệu đồng/xã và thấp nhất khoảng 579 triệu đồng/xã.

Từ những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025 và dự kiến nguồn vốn, các yêu cầu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, việc ban hành quy định mức hỗ trợ 01 dự án và định mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất là cần thiết. Quy định sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện; bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, sử dụng hiệu quả nguồn vốn được giao; đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

b) Mục đích ban hành

Nhằm cụ thể hóa nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. Đồng thời, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.

17.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 29/2026/NQ-HĐND gồm 7 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

Điều 4. Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 7. Điều khoản thi hành

18. Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

18.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày

31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2026.

Nghị quyết này Bãi bỏ toàn bộ 04 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu:

- Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

- Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2019.

- Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020.

- Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021.

18.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ban hành Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 07/BCĐ ngày 24/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quán triệt thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Công văn số 1093-CV/TU ngày 30/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu quán triệt thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ sở thực tiễn:

Thực hiện Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành các Nghị quyết: số 46/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, nhiệm kỳ 2016 – 2021; Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về ban hành Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu năm 2019; Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về ban hành Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu năm 2020; Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về ban hành Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu năm 2021. Qua rà soát cho thấy, các Nghị quyết nêu trên đều là văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để điều chỉnh hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo từng nhiệm kỳ hoặc từng năm công tác. Đến nay, các Nghị quyết này đã hoàn thành mục tiêu điều chỉnh, hết thời gian thực hiện, không còn đối tượng và phạm vi áp dụng trên thực tế nhưng chưa được bãi bỏ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết nêu trên là cần thiết nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016, số 08/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018, số 26/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019, số 23/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020

của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh với các quy định của pháp luật hiện hành.

Việc xây dựng (01) Nghị quyết để bãi bỏ nhiều văn bản quy phạm pháp luật cùng do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nhằm giảm bớt đầu mối cơ quan tham mưu soạn thảo văn bản bãi bỏ; tiết kiệm thời gian, chi phí về nguồn lực cho các cơ quan có liên quan trong việc phải thực hiện các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tiết kiệm kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

18.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 04 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

19. Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 Bãi bỏ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

19.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 31/7/2026.

19.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ và các văn bản hướng dẫn có liên quan¹; UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ngày 22/5/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, theo đó tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung điểm b

khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP như sau: “*Ngoài các danh mục dịch vụ sự nghiệp công ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương trong phạm vi dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, gửi Bộ Tài chính và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện*”, do đó, thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương được giao cho UBND cấp tỉnh thực hiện.

Bên cạnh đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; trong đó có nhiều nội dung thay đổi về chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức so với các quy định trước đây và Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh.

Như vậy, Danh mục dịch vụ sự nghiệp công ban hành kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành cả về nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng và thẩm quyền ban hành.

Theo điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, HĐND cấp tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh “*...bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản do mình ban hành khi không còn phù hợp hoặc trái pháp luật*”.

Vì vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn trước khi UBND tỉnh xem xét, ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP).

19.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Trên đây là thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 7 năm 2026, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh; (báo cáo)
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh)
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐTTH PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT sở Tư pháp (đăng tải);
- Lưu: VP, HC&PBPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Công Thiệp